BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP

DẦU KHÍ VIỆT NAM

(PVCR)

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0500547376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 12/10/2016)

Báo cáo thường niên này sẽ được cung cấp tại:

Trụ sở chính Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam

- Tầng 1, CT 10-11 Khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4).66647484 Fax: (84-43).62620703
- Websites: www.pvr.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên	: Bà Bùi Thu Hà	
Chức vụ	: Thư ký HĐQT	
Điện thoại	:(84-4).66647484	Fax: (84-4) .62620703

MỤC LỤC

I	**Thông tin chung**	**3**
1.	Thông tin khái quát	2
2.	Quá trình hình thành và phát triển	3
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
5.	Định hướng phát triển	5
6.	Các rủi ro	7
II.	**Tình hình hoạt động trong năm**	**8**
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	8
2.	Tổ chức và nhân sự	9
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	16
4.	Tình hình tài chính	18
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	19
III.	**Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc**	**19**
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	19
2.	Tình hình tài chính	20
3.	Những cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách, quản lý	20
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai	21
5.	Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán	22
IV.	**Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty**	**24**
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty	24
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty	24
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	25
V.	**Quản trị công ty**	**26**
1.	Hội đồng quản trị	23
2.	Ban kiểm soát	38
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGĐ và BKS	43
VI.	**Báo cáo tài chính được kiểm toán**	**46**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam

Năm 2016

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0500547376
- Vốn điều lệ: 531.009.130.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 527.181.611.748 đồng
- Địa chỉ: Tầng 1, CT10-11 Khu đô thị Văn Phú, P.Phú La, Quận Hà Đông, Hà Nội.
- Số điện thoại: 04.66647484
- Số fax: 04.62620703
- Website: pvr.vn
- Mã cổ phiếu: PVR

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Trước những yêu cầu của thực tế khách quan, phù hợp với định hướng phát triển đa ngành đa nghề, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã xác định cần có một đơn vị chuyên nghiệp của ngành Dầu khí đảm nhận lĩnh vực kinh doanh bất động sản; kinh doanh các dịch vụ cao cấp như sân Golf, resort, khu vui chơi giải trí; kinh doanh các hoạt động thể thao… Bên cạnh đó, địa bàn Hà Nội chưa có một khu du lịch cao cấp tầm cỡ quốc tế nhằm phục vụ nhu cầu người dân Thủ đô và khách du lịch trong và ngoài nước khi đến thăm quan hay tham gia hội nghị, hội thảo. Do đó, PVCR đã được thành lập với tên ban đầu là Công ty cổ phần Dầu khí Tản Viên với mục tiêu chính là phát triển dự án Hồ Suối Hai, Tản Viên, Hà Tây (nay thuộc Hà Nội mở rộng) thành khu du lịch nghỉ dưỡng tầm cỡ quốc tế nhằm đáp ứng các mục đích trên.
- Ngày 17/11/2006, Công ty cổ phần Dầu khí Tản Viên được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000579, với vốn điều lệ ban đầu là 150 tỷ đồng với cổ đông sáng lập là các Công ty, đơn vị trong ngành Dầu khí và các tổ chức khác như sau:
    - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)
    - Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)

- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)
- Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Dịch vụ Dầu khí (PTSC)
- Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu (GP BANK)
- Công ty Đầu tư & Thương mại Hệ thống Quốc tế (NETTRA)

- Tháng 02/2008, Công ty cổ phần Dầu khí Tản Viên đổi tên thành Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVCR), với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034347 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Tây cấp.
- Ngày 09/12/2009 Công ty chuyển trụ sở về Hà Nội nên đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở KHĐT Hà Nội cấp số 0103034347.
- Ngày 25/03/2010 Công ty chuyển trụ sở về Quảng Ninh nên đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở KHĐT Tỉnh Quảng Ninh cấp số 0500547376. Và được cấp đổi lần thứ 7 ngày 19/08/2010.
- Ngày 5/3/2012 Công ty chuyển trụ sở về Hà Nội nên đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở KHĐT Thành phố Hà Nội cấp số 0500547376.

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác;
- Điều hành tour du lịch
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn tổng hợp;
- Đại lý du lịch;
- Kinh doanh BĐS, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tuor du lịch;
- Hoạt động thể thao khác;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;

- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện.

4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

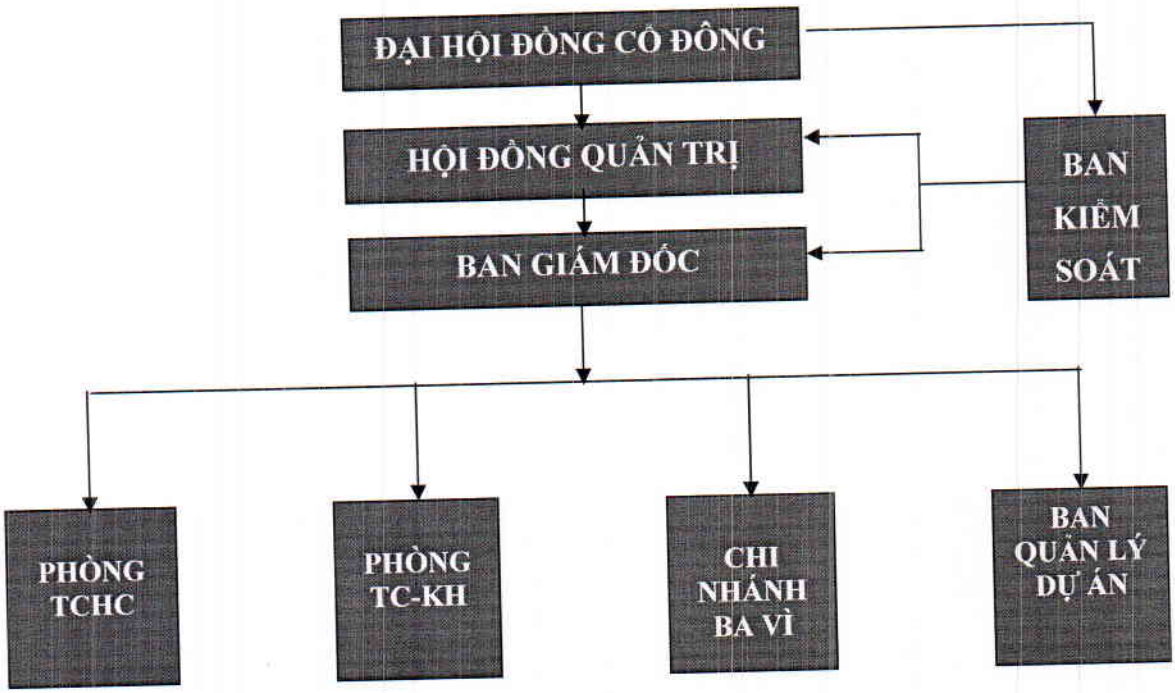

5. *Định hướng phát triển*

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Phát triển PVCR thành một Công ty có vị thế và thương hiệu trên thị trường, theo hướng lĩnh vực hoạt động trọng tâm là Đầu tư, Thi công xây lắp các dự án Bất động sản và dịch vụ du lịch thể thao nghỉ dưỡng cao cấp, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông và nhà đầu tư.
- Phát triển PVCR thành đối tác tin cậy thông qua hình thức liên doanh, liên kết và hợp tác với các đơn vị có năng lực, uy tín trong & ngoài nước nhằm mở rộng thị trường, quy mô, giá trị thương hiệu và không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, trình độ quản lý.

5.2 Chiến lược phát triển trung hạn (giai đoạn 2015 đến 2018):

- Đối với lĩnh vực Đầu tư phát triển các dự án Bất động sản:

Đây là lĩnh vực chính của Công ty giai đoạn 2015 - 2020, PVCR triển khai thực hiện theo hướng Đầu tư và hợp tác đầu tư tập trung chính vào nhóm các sản phẩm từ các Dự án của Công ty đang triển khai như sau:

- Nhà chung cư để bán hoặc cho thuê;
- Nhà ở thấp tầng;
- Văn phòng & Trung tâm thương mại, Dịch vụ tầng hầm cho thuê;
- Tổ hợp khu nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí;

- Đối với các lĩnh vực hoạt động khác:

- Hoạt động đầu tư tài chính:

PVCR chủ trương không đầu tư dàn trải. Đối với các khoản đầu tư tài chính đang tồn tại, Công ty đang nghiên cứu, xem xét lập phương án và lựa chọn thời điểm thoái vốn hợp lý để bảo toàn tối đa và tập trung được nguồn vốn cho hoạt động Đầu tư các dự án Bất động sản mà Công ty đang triển khai.

- Hoạt động kinh doanh khác:

- Tối đa hóa nguồn lực hiện có về con người, lĩnh vực đầu tư, thi công xây lắp các dự án Bất động sản đang triển khai để nghiên cứu, xem xét tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh nguyên, vật liệu xây dựng trên cơ sở hợp tác kinh doanh với các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng có uy tín và năng lực trên thị trường.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Đối với môi trường: Đối với môi trường bên ngoài Công ty cạnh tranh lành mạnh bằng năng lực, trình độ, sự chuyên nghiệp, các sản phẩm chất lượng với giá hợp lý. Đối với môi trường bên trong, PVCR khuyến khích sự phát triển và thành công của mỗi cá nhân, là nơi hội tụ các thành viên xuất sắc, tạo cơ hội nâng cao trình độ và công ăn việc làm, nguồn thu nhập ổn định cho cán bộ nhân viên.
- Đối với xã hội và cộng đồng: Với tinh thần phát triển Doanh nghiệp đồng hành với phát triển xã hội, PVCR luôn đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội, thể hiện tinh thần

trách nhiệm đối với đất nước và coi đó là truyền thống văn hóa tốt đẹp. Cung cấp các sản phẩm - dịch vụ cao cấp với chất lượng đảm bảo như cam kết, mang tính độc đáo, sáng tạo với giá hợp lý nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng.

6. *Các rủi ro:*

Trước thực trạng thị trường bất động sản gặp rất nhiều khó khăn về thanh khoản, tín dụng,… hàng loạt doanh nghiệp phá sản, nhiều dự án có nguy cơ tạm dừng do thiếu vốn, không bán được hàng, chủ đầu tư bỏ dở …. đã ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý của khách hàng, PVCR cũng không nằm ngoài vòng xoáy đó và đã nẩy sinh tình trạng khiếu nại của một số khách hàng, khó khăn trong việc thu xếp nguồn tài chính cho các hoạt động SXKD…. Trước thực trạng đó, PVCR nhìn nhận một số rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh trong giai đoạn 2015 đến 2018 như sau:

- Về nguồn vốn: Khó khăn, rủi ro trong việc thu xếp nguồn vốn để tiếp tục triển khai các Dự án Bất động sản. Trước thực trạng đó, PVCR đã tiếp xúc, đàm phán với các tổ chức tín dụng, ngân hàng đề xuất phương án vay vốn tối ưu nhất với hạn mức đáp ứng được nhu cầu vốn cho Dự án, đồng thời làm việc với các đối tác khác để cùng hợp tác kinh doanh, triển khai đầu tư các Dự án. Ngoài ra, PVCR cũng nghiên cứu phương án tiếp xúc với khách hàng, minh bạch các thông tin về Dự án, tạo sự tin tưởng, ủng hộ của khách hàng để cùng chia sẻ khó khăn và tìm kiếm phương án hài hòa lợi ích của các bên nhằm hướng đến mục tiêu có được nguồn tài chính để hoàn thành Dự án mà khách hàng đã tham gia với Công ty.
- Về hoạt động xây lắp: Do ảnh hưởng của thị trường đã ảnh hưởng đến năng lực thi công của các nhà thầu, nhiều đơn vị đã không đáp ứng được yêu cầu về tiến độ, chất lượng công trình làm ảnh hưởng đến kế hoạch thực hiện của Chủ đầu tư. Trước thực trạng đó, PVCR đã xác định các giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro, ảnh hưởng như: Lựa chọn các nhà thầu có đủ năng lực, uy tín trên thị trường; Nâng cao, siết chặt các công tác giám sát, quản lý hoạt động xây lắp của nhà thầu.
- Về sản phẩm: Sản phẩm hình thành từ hoạt động đầu tư Bất động sản là sản phẩm có tính đặc thù riêng như: giá trị thanh khoản lớn, thời gian đầu tư và khai thác kéo dài, chịu sự chi phối bởi nhiều chính sách quản lý liên quan của Chính phủ. Qua đó, tính thanh khoản của sản phẩm này chịu ảnh hưởng, rủi ro bởi rất nhiều yếu tố tại từng thời điểm như: Giá bán, đặc điểm sản phẩm (diện tích, kiến trúc, …), tác động của chính sách quản lý của Nhà nước, tâm lý khách hàng, sự phát triển của nền kinh tế chung,….và do vậy, để giảm thiểu rủi ro, trong quá trình đầu tư, xây lắp sản phẩm, PVCR sẽ chủ động linh hoạt trong các phương án đầu tư, điều chỉnh đặc điểm sản phẩm, điều chỉnh chính sách bán hàng phù hợp với thị trường và pháp luật …để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro ứ đọng nguồn vốn Đầu tư.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2016 so với kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua của PVCR chưa đạt được kết quả mặc dù toàn thể công ty đã cố gắng. Cụ thể như sau:

- Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tản Viên chưa tìm được đối tác hợp tác đầu tư bỏ kinh phí đầu tư giai đoạn tiếp theo vì vậy việc nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo cốt nước 24,85m tạm thời chưa thực hiện vì không có kinh phí thực hiện.
- Khoản đầu tư tại Công ty cổ phần Đầu tư Bình An liên quan đến Dự án số 9 Trần Thánh Tông cũng chưa tìm được đối tác mua lại toàn bộ số cổ phần công ty đang nắm giữ.
- Dự án Tổ hợp căn hộ và dịch vụ công cộng CT15 Việt Hưng đã hoàn thành 05 căn nhà vườn đạt doanh thu 37,059 tỷ. Đối với Tòa nhà 18T1 thuộc dự án chưa tìm được đối tác chuyển nhượng.
- Dự án CT10-11 Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội

Thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/HĐHTKQ/2015/PVCR-MHD, Công ty cổ phần đầu tư MHD Hà Nội đã thực hiện thi công Dự án CT10-11 Văn Phú cụ thể đối với tháp CT10 đã thi công đến tầng 9, đối với tháp CT11 đã thi công đến tầng 6 đạt giá trị sản lượng 42,6 tỷ đồng và hiện nay đang dừng thi công do Công ty MHD Hà Nội yêu cầu thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền.

Do Công ty chưa bố trí được nguồn vốn để thanh toán phần giá trị MHD Hà Nội đã thi công nên việc thanh lý hợp đồng và thương thảo ký Hợp đồng tổng thầu với MHD Hà Nội chưa thực hiện được.

Mặt khác Công ty tích cực tiếp xúc khách hàng, đưa ra nhiều phương án bàn giao nhà như bán hoàn thiện, thô, hoàn thiện…nhằm mục đích hạ giá trị căn hộ, yêu cầu khách hàng nộp tiền tiếp theo tiến độ. Tuy nhiên hầu hết khách hàng đều có nguyện vọng xin rút vốn, và kiên quyết không nộp tiền vì vậy việc triển khai lại Dự án gặp rất nhiều khó khăn.

Công tác xử lý công nợ và quyết toán với các nhà thầu cũ tại dự án: Công ty tổ chức rất nhiều cuộc họp mời các nhà thầu để quyết toán các gói thầu. Tuy nhiên hầu hết các nhà thầu và Công ty không tìm được tiếng nói chung trong vấn đề quyết toán do tồn tại quá nhiều vấn đề trong thời gian thi công, thanh toán không được xử lý dứt điểm.

Tình hình thực hiện chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2016

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016
1	Doanh thu	3,2	91,07	37,4
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-27,44	6,79	- 11,9

2. *Tổ chức và nhân sự*

2.1 Danh sách Ban điều hành:

Ông Đỗ Duy Điền - Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 12/10/2016

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 03/06/1980
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Điền Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 95, ngõ 189 Hoàng Hoa Thám, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 162267949 do Công an Nam Đình cấp ngày 09/10/2012
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Mỏ địa chất
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Tổng Giám đốc Công ty - Công ty CP Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác:
  - 2002 - 2003: Cán bộ kỹ thuật - Công ty XD số 4 - Tổng Công ty Xây dựng HN;
  - 2004 - 2005: Chỉ huy công trình Công ty CP Đầu tư Xây lắp Sông Đà;
  - 2006 - 2009: Đội trưởng Đội 2 Công ty CP Đầu tư – Xây dựng Econ;
  - 2010 - 2012: Đội trưởng Đội XDCT Công ty CP Đầu tư và TM Dầu khí Sông Đà
  - 2012 - 2015: Tổng Giám đốc Công ty CP Xây dựng Hạ Đình
  - Tháng 12/2015 - 2016: Chỉ huy công trình Công ty CP Đầu tư MHD Vina
  - 10/2016 - nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam

Bà Khúc Thị Thanh Huyền - Bổ nhiệm Tổng Giám đốc ngày 12/4/2016, miễn nhiệm Tổng Giám đốc ngày 12/10/2016; Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 04/11/2016

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 09/10/1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Xóm 5, xã Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011876717 cấp ngày 15/03/2005 do CA Hà Nội cấp
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
- Quá trình công tác:
  - 2001 - 2008: Nhân viên Kế toán Công ty TNHH TM & DVKT Hải Vân
  - 2009 - 2015: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư 135
  - Tháng 6/2015 - 4/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xây dựng Hạ Đình
  - Tháng 4/2016 - Tháng 10/2016: Tổng Giám đốc Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
  - Tháng 11/2016 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân : 2.539.400 cổ phần
  - + Sở hữu đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần
  - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Nguyễn Tuấn Anh – Giám đốc miễn nhiệm ngày 01/04/2016

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 06/09/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tam Sơn – Tiên Sơn – Từ Sơn – Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : Số 13 Lô C, Mơ Táo Tổ 48B Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu :038072000039 do Cục trưởng Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 13/05/2014
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc Sĩ – Kiến trúc sư
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc công ty - Công ty CP Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác:
  - 1994 - 2000: Cán bộ - Viện nghiên cứu thiết kế trường học;

  2001 – 2006: Giám đốc – Văn phòng thiết kế 1
  - 12/2006 – 4/ 2009: Phó Tổng giám đốc - Công ty INCOMEX;
  - 4/2009 – 8/2009: Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ - Công ty INCOMEX;
  - 8/2009 - 12/2010: Ủy viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
  - 1/2011 – 12/2011: Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc – Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
  - 1/2012 – 10/2013: UV HĐQT, kiêm Giám đốc – Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
  - 4/2014 – 3/2016: Công tác tại Công ty Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN, hiện giữ chức Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác:
  + Uỷ viên HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng Sông Hồng
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
+ Sở hữu đại diện tổ chức : 0 cổ phần
+ Những người có liên quan: 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Đỗ Quốc Phương – Phó Giám Đốc miễn nhiệm ngày 21/9/2016

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 13/09/1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : F105, B20 Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011823189, do CA Hà Nội cấp ngày 15/04/2003
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó giám đốc – Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 1994 – 2006: Kiến trúc sư – Chủ nhiệm đề án – Công ty Tư vấn thiết kế Xây dựng (CDC) – Bộ xây dựng
  - Năm 2006: Trưởng phòng thiết kế của Tập đoàn TECHNOCOM (UKRAINA) tại Việt Nam
  - 2007 – 9/2016: Công ty CP Kinh doanh dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam
    + Từ 4/2007 đến 8/2008 : Phó TP Kế hoạch – Đầu tư
    + 8/2007 đến 8/2008 : Giám đốc Ban dự án Huỳnh Thúc Kháng kiêm Trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư
    + Từ 8/2008 đến 10/2009 : Trưởng phòng Đầu tư Phát triển
    + Từ 10/2009 – 9/2016 : Phó giám đốc công ty
- Chức vụ đang nắm giữ khác : Không
- Hành vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân : 12.000 cổ phần
+ Sở hữu đại diện tổ chức : 0 cổ phần
+ Những người có liên quan : 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Nguyễn Phi Hùng – Phó Giám Đốc miễn nhiệm ngày 21/9/2016

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 05/10/1964
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thường Xuân, Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : 124 phố Bà Triệu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : : 011739545 Ngày cấp: 05/1/2006 Nơi cấp: CAHà Nội
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật; Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó giám đốc – Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 11/1986 - 11/1991 : Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc – Tỉnh Thanh Hóa
  - 12/1991 – 12/2004 : Kiểm sát viên sơ cấp, trung cấp – Vụ kiểm sát xét xử dân sự Viện kiểm sát Nhân dân tối cao.
  - 1/2005 – 2/2008: Công tác tại Ban quản lý dự án – TT TM Dầu khí Hà Nội
  - 3/2008- 9/2016: Công tác tại Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN, hiện giữ chức vụ Phó giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
  + Sở hữu đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần

+ Những người có liên quan : 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Nguyễn Đức Hải – Phó Giám Đốc miễn nhiệm ngày 03/11/2016

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 11/11/1974
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Phúc Yên, Mê Linh, Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú : 239/9 Nguyễn Ngọc Vũ, Tổ 19 Phường Trung Hòa
- Số CMTND/Hộ chiếu : 012109097 Ngày cấp: 23/02/2006Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quy hoạch Đô thị & Nông thôn.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó giám đốc – Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 08/2001 - 09/2002 : Làm việc tại DAXD nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2.
  - 10/2002 – 04/2003 : Làm việc tại dự án xây dựng nhà máy Đạm Phú Mỹ
  - 05/2003 – 04/2004 : Cán bộ phòng Nhà đất và tái định cư.
  - 05/2004 – 02/2007 : Tổ trưởng tổ giải phóng mặt bằng dự án phát triển cơ sở Hạ tầng đô thị Bắc Thăng Long – Vân Trì.
  - 03/2007 – 03/2008 : Tổ trưởng tổ chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tâng khu tái định cư xã Hải Bối, Tuyến đường vành đai 2, đoạn Ngã tư sở - Ngã tư Vọng.
  - 04/2008 – 07/2009 : Phụ trách thi công di chuyển các công trình .
  - 08/2008 – 03/2010 : Làm việc tại Ban Quản lý các dự án trọng điểm phát triển đo thị Hà Nội.
  - 04/2010 – 11/2016 : Làm việc tại Công ty CP kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam, hiện giữ chức vụ Phó giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

+ Sở hữu cá nhân : 2.200 cổ phần
+ Sở hữu đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần
+ Những người có liên quan : 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Nguyễn Thị Hà Thu – Kế toán trưởng

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 22/8/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hiệp Hòa, Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú : P401 C1 Khu TT 34A, Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011699182 cấp ngày 25/9/2008 do CA Hà Nội cấp
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế XD; Thạc sĩ kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
- Quá trình công tác:
  - 2/1998 – 12/2006: Chuyên viên kế toán tại Công ty CP Viễn thông tín hiệu Đường sắt - Tổng công ty Đường sắt Việt Nam
  - 1/2007 – nay: Công tác tại Công ty CP Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí VN (PVCR), hiện giữ chức danh Kế toán trưởng.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
  + Sở hữu đại diện cho tổ chức : 0 cổ phần
  + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2. Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm 2016:

Ông Đỗ Duy Điền	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/09/2016
Bà Khúc Thị Thanh Huyền	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/11/2016
Bà Khúc Thị Thanh Huyền	Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/09/2016
Bà Khúc Thị Thanh Huyền	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/04/2016
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/04/2016
Ông Nguyễn Phi Hùng	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/09/2016
Ông Đỗ Quốc Phương	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/09/2016

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:
(tại thời điểm báo cáo 20/3/2017)

Loại lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Theo trình độ học vấn		
- Trên đại học	1	11.1
- Đại học	4	44.4
- Cao đẳng, trung cấp	3	33.3
- Lao động phổ thông	1	11.1
Tổng số	**9**	**100**
Phân theo tính chất hợp đồng lao động		
- Hợp đồng không xác định thời hạn	9	100
- Hợp đồng xác định thời hạn	0	0
Tổng số	**9**	**100**

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Dự án CT10-11 Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội:

Dự án đã được Công ty cổ phần đầu tư MHD Hà Nội thi công đối với khối đế xây dựng 01 sàn thương mại, đối với khối Tháp: Tháp CT10 xây dựng được 01 sàn dầm chuyển, 04 sàn chung cư, Tháp CT11 xây dựng được 01 dầm chuyển và 01 sàn chung cư đồng thời xây tường bao các sàn khối đế từ tầng 02 đến tầng 5 đạt giá trị đầu tư khoảng gần 42,6 tỷ đồng. Dự án phải dừng lại do Công ty cũng chưa bố trí được nguồn vốn để thanh

toán phần giá trị MHD Hà Nội đã làm nên việc thanh lý hợp đồng và thương thảo ký Hợp đồng tổng thầu với MHD Hà Nội chưa thực hiện được.

3.2 Dự án Tổ hợ căn hộ và dịch vụ công cộng CT15 Việt Hưng

Dự án đã thực hiện xong 05 lô nhà vườn và bàn giao cho khách hàng đạt doanh thu 37,059 tỷ đồng.. Đối với khối tòa chung cư 18T1 Công ty đã gặp gỡ nhiều đối tác để chuyển nhượng dự án tuy nhiên đến nay vẫn chưa chuyển nhượng được.

3.3 Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tản Viên (giai đoạn 1)

Như Báo cáo thường niên trước đây, trong quá trình thực hiện dự án, do việc thay đổi mực nước dâng bình thường của Hồ nên ranh giới, quy mô dự án thay đổi (giảm xấp xỉ khoảng 50ha) do đó việc thẩm định và phê duyệt hồ sơ quy hoạch chi tiết 1/500 đã không tiếp tục thực hiện được, cũng như kết quả của các công việc chuẩn bị đầu tư đã thực hiện trước đây như kiểm đếm, lập phuong án giải phóng mặt bằng … đều không sử dụng được. Công ty cũng đã nỗ lực tìm kiếm đối tác để hợp tác đầu tư tuy nhiên đến nay vẫn chưa tìm được đối tác hợp tác đầu tư bỏ kinh phí đầu tư giai đoạn tiếp theo vì vậy việc nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo cốt nước 24,85m và các công việc đầu tư tiếp theo tạm thời chưa thực hiện.

4. Tái cơ cấu danh mục đầu tư và xử lý công nợ:

Theo phuong án tái cơ cấu danh mục đầu tư và xử lý công nợ năm 2016 đã đượcĐHĐCĐ thông qua, PVCR đã cơ bản đàm phán và thực hiện xử lý một phần công nợ và sẽ tiếp tục làm việc với các đối tác để xử lý các khoản công nợ phải thu, phải trả đối với từng khoản mục theo phương ándã được thông qua nư: đối trừ công nợ, bán nợ, đàm phán giãn nợ….và báo cáo kết quả thực hiện gửi đến HĐQT/ĐHĐCĐ, một số nội dung tái cơ cấu danh mục đầu tư gồm:

- Đã thoái 510.500 cổ phiếu của Công ty cổ phần xây dựng Sông Hồng (Mã CK: IGC) thu hồi vốn được 3.930.850.000 đồng, chưa thực hiện được việc thoái vốn đầu tư tại các Công ty: Công ty CP Đầu tư tài chính giáo dục (Mã CK: EFI); Công ty cổ phần Đầu tư TM Dầu khí IDICO (Mã CK: PXL); Công ty cổ phần Đầu tư PV2 (Mã CK: PV2).
- Đối với việc xử lý khoản phải thu khó đòi tại Công ty TNHH nhà Vĩnh Hưng chưa thực hiện được do chưa tìm được đối tác để bán khoản nợ khó đòi tại Công ty TNHH nhà Vĩnh Hưng.
- Đối với công nợ phải thu, phải trả liên quan đến cổ phần của Công ty PVCI: Đã trích lập dự phòng 100% số tiền 9,9 tỷ liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần của ông Phạm Quốc Anh do ông này đã mất và PVCI không giải quyết được việc hoàn tất thủ tục xác nhận cổ phần. Việc chuyển nhượng cổ phần PVCI giữa PVCR và PVC cũng chưa được giải quyết do Hợp đồng chuyển nhượng không đúng quy

định của Pháp luật.

- Đối với khoản đầu tư tài chính Dự án số 9 Trần Thánh Tông, Nghị quyết số 356/NQ-ĐHĐCĐ-PVCR ngày 24/06/2016 của ĐHĐCĐ Công ty PVCR đã Ủy quyền cho HĐQT PVCR tìm kiếm đối tác để thực hiện việc chuyển nhượng lại cổ phần tại Công ty Bình An. Tuy nhiên đến nay cũng chưa tìm được đối tác.

5. *Tình hình tài chính*

5.1 Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)	Tăng/Giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	1,054,636,930,014	996,568,985,468	-5.5
Doanh thu thuần	2,958,469,091	37,059,483,722	1,152.7
Lợi nhuận từ hđ kinh doanh	-26,368,272,143	2,254,064,185	-108.5
Lợi nhuận khác	-1,079,700,000	7,160,000	-100.7
Lợi nhuận trước thuế	-27,447,972,143	7,160,000	-100.0
Lợi nhuận sau thuế	-27,447,972,143	-11,569,179,024	-57.9
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-517	-229	-55.7

5.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2015	2016	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.45	1.46	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0.14	0.10	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ /Tổng tài sản	0.53	0.51	
+ Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu	1.11	1.04	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn/HTKbq			
+Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0.05	-0.02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0.03	-0.01	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-8.91	-0.31	

6. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

6.1 Cổ phần:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 51.906.713 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 53.100.913 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.194.200 cổ phần

6.2 Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của công ty tại ngày 27/5/2016

Stt	Phân loại	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
1	**Trong nước**	**5.288**	**51.844.748**	**518.447.480.000**	**97,63**
-	*Tổ chức*	*30*	*36.706.761*	*367.067.610.000*	*69,12*
-	*Cá nhân*	*5.257*	*15.137.987*	*151.379.870.000*	*28,51*
2	**Nước ngoài**	**4**	**61.965**	**619.650.000**	**0,12**
-	*Tổ chức*	*2*	*34.965*	*349.650.000*	*0,07*
-	*Cá nhân*	*2*	*27.000*	*270.000.000*	*0,05*
3	**Cổ phiếu quỹ**	**1**	**1.194.200**	**11.942.000.000**	**2,25**
Tổng cộng		**5.292**	**53.100.913**	**531.009.130.000**	**100**

(Danh sách chốt ĐHĐCĐ 2015 ngày 27/5/2016)

6.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

6.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

6.5 Các chứng khoán khác: không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Trong năm 2016 Công ty không đạt chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ/HĐQT phê duyệt; Doanh thu của Công ty năm 2016 đạt 37,4 tỷ đồng, tăng

1.069% so với năm 2015; chỉ đạt 41,07% so với kế hoạch đề ra; lợi nhuận trước thuế lỗ 11,9 tỷ đồng. Việc không hoàn thành các chỉ tiêu KH SXKD năm 2016 chủ yếu do chưa thực hiện chuyển nhượng chuyển nhượng tòa 18T1 thuộc dự án CT15 Việt Hưng.

2. *Tình hình tài chính*

Giá trị sổ sách

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục	Tại ngày 31/12/2015	Tại ngày 31/12/2016	Tăng/giảm (%)
1	**Tổng tài sản**	**1,054,636,930,014**	**996,568,985,468**	-5.51
1.1	Tài sản ngắn hạn	802,185,171,249	744,884,741,454	-7.14
1.2	Tài sản dài hạn	252,451,758,765	251,684,244,014	-0.30
2	**Tổng nguồn vốn**	**1,054,636,930,014**	**996,568,985,468**	-5.51
2.1	Nợ phải trả	554,903,290,409	508,729,988,785	-8.32
2.2	Vốn chủ sở hữu	499,733,639,605	487,838,996,683	-2.38

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016)

Các chỉ số tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**				
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2.06	1.45	1.46
1.2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.58	0.14	0.10
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**				
2.1	Nợ phải trả/Tổng tải sản	%	50	53	51
2.2	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	100	111	104
3	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**				
3.1	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0.1	-0.05	-0.02
3.2	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0.1	-0.03	-0.01

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014, 2015, 2016)

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2016 là năm kinh tế nền kinh tế được dự báo tiếp tục có những diễn biến bất thường, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư Bất động sản, là hoạt động chính của Công ty trong những năm qua. Trước nhận định đó, trên cơ sở các nguồn lực hiện có, Công ty PVCR xác định mục tiêu hoạt động cơ bản như sau:

4.1 Các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch năm 2016, 2017:

Đơn vị: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu kinh tế	KH năm 2016	TH năm 2016	KH năm 2017	Ghi chú
1	Doanh thu	91,07	37,4	46,36	
2	Lợi nhuận TT	6,79	-11,9	1,63	
3	Tổng Quỹ lương	2,2	2,5	2,5	

Ghi chú: Chưa tính đến các khoản trích lập dự phòng các khoản đầu tư, chưa tính đến việc chuyển nhượng dự án CT10-11 Văn Phú, Hà Đông, Hà Nội.

4.2 Đối với các lĩnh vực đầu tư dự án Bất động sản:

4.2.1 Dự án CT10-11 Văn Phú:

Tiếp tục tái cơ cấu các khoản đầu tư để tạo nguồn vối thanh lý hợp đồng hợp tác dứt điểm với Công ty CP đầu tư MHD Hà Nội tạo điều kiện thuận lợi để đàm phán ký kết các Hợp đồng tổng thầu với MHD Hà Nội theo Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua năm 2016 (hoặc đơn vị khác có tiềm lực tài chính, thi công nếu việc đàm phán với MHD không thành công) để đưa dự án hoạt động trở lại.

Trong trường hợp không tìm được đối tác nhận tổng thầu và đầu tư toàn bộ kinh phí để thi công Dự án cho tới khi Dự án được bàn giao đưa vào sử dụng, HĐQT PVCR đề nghị ĐHĐCĐ cho phép chuyển nhượng tòa bộ Dự án để thu hồi vốn và đầu tư vào những Dự án phù hợp với tình hình kinh tế hiện tại của Công ty.

4.2.2 Dự án Việt Hưng:

Đối với Dự án CT15 Việt Hưng công ty còn Tòa nhà 18T1 và các hạng mục có liên quan Công ty tiếp tục tìm kiếm đối tác, thông qua các đơn vị môi giới Bất động sản có uy tín để chuyển nhượng dự án tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết 356/NQ-ĐHĐCĐ-PVCR ngày 24 tháng 06 năm 2016.

4.2.3 Dự án khu du lịch cao cấp quốc tế Tản Viên:

Trong năm 2016 Ban lãnh đạo Công ty đã tích cự tiếp xúc các nhà đầu tư trong và ngoài nước để tìm kiếm nguồn vốn thực hiện tiếp dự án theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ

thường niên năm 2016 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tuy nhiên do dự án có quy mô đầu tư lớn nên việc tiếp xúc, đàm phán trong thời gian ngắn chưa đem lại kết quả mong muốn. Vì vậy đối với Dự án này, trong năm 2017 Công ty tiếp tục tìm kiếm đối tác để thực hiện theo Nghị quyết được ĐHĐCĐ năm 2016 thông qua.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 378/2017/BC.KTTC-AASC.KT7 của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC ngày 06 tháng 03 năm 2017, ý kiến của Công ty kiểm toán trong Báo cáo Tài chính của PVR tại tời điểm 31/12/2016 liên quan đến các vấn đề sau:

Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính - "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác", đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng góp vốn và thỏa thuận nhận đặt cọc với khách hàng cho Dự án Văn Phú và Dự án Việt Hưng với tổng số tiền đã thu từ các khách hàng là 226.258.044.840 đồng và 496.520.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện phát hành hóa đơn giá trị gia tăng để hạch toán và kê khai thuế giá trị gia tăng (GTGT) đầu ra và kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định về thuế hiện hành. Điều này đã dẫn đến việc kiểm toán viên và Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm trước phải đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính. Các số liệu về đặt cọc của hai Dự án trên tại ngày 31/12/2016 tương ứng 192.823.892.972 đồng và 144.620.000 đồng, Công ty chưa thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các khoản thu này. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính thông thường nhưng vẫn chưa thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty chưa thực hiện xem xét trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An (Bình An) với giá trị là 205.082.444.751 đồng. Điều này dẫn đến việc kiểm toán viên và Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm trước phải đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính. Số liệu trên tiếp tục được lũy kế đến thời điểm 31/12/2016, với các bằng chứng thu thập được, chúng tôi không thể đưa ra được tính đúng đắn của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Bình An ngày 30/06/2011 giữa Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (OCH) và Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVCR).

Chúng tôi không xác định được liệu các cổ đông sáng lập và cổ đông phổ thông của Công ty Bình An đã góp đủ vốn chưa (Theo quy định tại Điều 23 - Nghị định số 102/2010/NĐ - CP ngày 01/10/2010 về hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của luật doanh nghiệp thì: trường hợp có cổ đông không thanh toán đủ số cổ phần đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ khi công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì cổ đông chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của công ty

và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác; Và cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán, không được quyền chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác). Do đó chúng tôi chưa xác định được tính đầy đủ và chính xác của việc ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An đang được theo dõi trên sổ kế toán tại ngày 01/01/2016 và ngày 31/12/2016 là 205.082.444.751 đồng, cũng như xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính này.

Tại thời điểm 01/01/2016 và 31/12/2016, Công ty đang đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh với giá trị lần lượt là 21.350.000.000 đồng và 5.000.000.000 đồng. Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính tại các thời điểm 31/12/2015 và 31/12/2016 của các đơn vị này làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn này hay không.

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty chưa thực hiện xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với Dự án CT10 - 11 Văn Phú. Vấn đề này được kiểm toán viên và Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 phải đưa ra ý kiến ngoại trừ. Năm 2016, Công ty chưa thể đánh giá một cách chính xác hiệu quả đầu tư của Dự án CT10-11 Văn Phú do các thông số tính toán theo thị trường tại thời điểm hiện tại chưa đầy đủ và có thể biến còn biến động. Theo đó, Công ty chưa xác định và trích lập bất cứ khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho nào đối với chi phí dở dang của Dự án này. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng để đánh giá được số liệu cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh năm 2016 và kết quả kinh doanh từ năm 2015 về trước như thế nào. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Các khoản đầu tư tài chính, công nợ phải thu và công nợ phải trả của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Cụ thể, khoản đầu tư tài chính chưa được đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2016 là: 253,9 tỷ; nợ phải thu chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2016 là 38,0 tỷ đồng; nợ phải trả chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 31/12/2016 là 508,7 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để có thể xác định liệu có phải điều chỉnh các số liệu này hay không. Đồng thời, chúng tôi cũng không thu thập được bằng chứng về việc liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ phải thu khó đòi hay không.

PVR xin được giải trình như sau:

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính 31/12/2016, PVR đã ký được 215 HĐMB và HĐGV với khách hàng mua căn hộ tại Dự án CT10-11 Văn phú, Hà Đông, Hà Nội. Theo hướng dẫn tại Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/06/2010 và thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012, PVR đã thực hiện kê khai thuế GTGT và tạm nộp 1% thuế TNDN. Những khách

hàng còn lại chưa ký hợp đồng mua bán nên Công ty không có cơ sở để xuất hóa đơn, kê khai thuế theo quy định về thuế hiện hành.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính 31/12/2016, PVR chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An; Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Công ty cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh. Vì vậy PVR không có cơ sở để trích lập dự phòng cho ba khoản đầu tư này.

Hàng tồn kho: Báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa thể đánh giá một cách chính xác hiệu quả đầu tư của dự án CT10-11 Văn Phú do các thông số tính toán theo thị trường tại thời điểm hiện tại chưa đầy đủ và có thể còn biến động. Vì vậy, Công ty không có căn cứ để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả và các khoản đầu tư tài chính đã được chúng tôi tích cực gửi thư xác nhận cho khách hàng, nhà cung cấp, nhà đầu tư. Tuy nhiên, do thời gian lập báo cáo sớm nên nhiều khoản công nợ chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận đầy đủ. Chúng tôi sẽ sớm bổ sung và cung cấp cho kiểm toán viên, đồng thời chúng tôi cam kết việc ghi nhận các khoản công nợ phải thu, phải trả và các khoản đầu tư tài chính chưa có đối chiếu là đúng theo thực tế phát sinh tại từng thời điểm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2016 Công ty không đạt chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ/HĐQT phê duyệt; Doanh thu của Công ty năm 2016 đạt 37,4 tỷ đồng, tăng 1.069% so với năm 2015; chỉ đạt 41,07% so với kế hoạch đề ra; lợi nhuận trước thuế lỗ 11,9 tỷ đồng. Việc không hoàn thành các chỉ tiêu KH SXKD năm 2016 chủ yếu do chưa thực hiện chuyển nhượng chuyển nhượng tòa 18T1 thuộc dự án CT15 Việt Hưng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Trong năm qua, HĐQT và Ban giám đốc đã bám sát các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao trên cơ sở kết hợp phân tích diễn biến tình hình thực tiễn để định hướng mọi hoạt động của Công ty.
- HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên, linh hoạt trong việc xử lý kịp thời các công việc phát sinh.
- Nhìn nhận một cách khách quan, trong thời gian qua HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển và những chỉ tiêu kinh doanh mà ĐHĐCĐ thường niên 2015 đặt ra. Các thành viên HĐQT và Ban giám đốc luôn cố gắng hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao phó, hành động vì lợi ích chung của Công ty.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo việc thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản với hiệu quả cao nhất, đồng thời giám sát, hỗ trợ Ban giám đốc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đặt ra.
- Kiện toàn và tái cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới của năm 2016. Không ngừng cải tiến phương thức quản lý tại Công ty và các đơn vị trực thuộc theo hướng gọn nhẹ, chuyên sâu nhằm tăng cường năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.
- Đẩy mạnh công tác giám sát, chỉ đạo thi công xây dựng các Dự án, đưa Dự án vào kinh doanh khai thác, nhanh chóng thu hồi vốn. Đồng thời nghiên cứu, tìm hiểu thị trường đầu tư và các dự án mới, lĩnh vực mới có hiệu quả cao, thu hồi vốn nhanh.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quan tâm hơn nữa đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty.
- Chú trọng công tác nâng cao giá trị thương hiệu Công ty nhằm bảo vệ lợi ích của các Cổ đông.
- Tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ Công ty nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi trong điều hành, phù hợp với quy định pháp luật đảm bảo công tác kiểm tra, giám sát tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hội đồng quản trị sẽ nghiên cứu để đưa ra cách thức điều hành Công ty sao cho tốt nhất, đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty như: giao thêm một số quyền hạn cho Chủ tịch HĐQT/Giám đốc thực hiện các công việc tiếp theo sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông/ HĐQT phê duyệt chủ trương. Tạo điều kiện để Ban lãnh đạo Công ty điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh một cách linh hoạt, đẩy nhanh tiến độ, nắm bắt kịp thời các cơ hội của thị trường.
- Tổ chức các cuộc họp HĐQT Công ty định kỳ và đột xuất để chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chỉ đạo Công ty xây dựng chiến lược về vốn, huy động vốn như: thị trường chứng khoán, phát hành trái phiếu, liên kết các Ngân hàng, các tổ chức tín dụng để thu xếp vốn cho các Dự án đang triển khai.
- Chỉ đạo công tác tìm kiếm các đối tác chiến lược trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính và kỹ thuật để thực hiện các Dự án đầu tư dài hạn của Công ty mang lại hiệu quả cao.
- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Ông Bùi Văn Phú – Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm ngày 07/01/2016

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Vụ Bản, Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Số 5, ngách 51 tổ 3 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMTND : 036075000646 do Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 24/9/2015
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 03/2016 – đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam;
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân: 1.628.700 cổ phần
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Đỗ Duy Điền - Ủy viên HĐQT bổ nhiệm ngày 17/05/2016

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 03/06/1980
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Xã Điền Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 95, ngõ 189 Hoàng Hoa Thám, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 162267949 do Công an Nam Đình cấp ngày 09/10/2012
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Xây dựng
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Tổng Giám đốc Công ty - Công ty CP Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác:
  - 2002 - 2003: Cán bộ kỹ thuật - Công ty XD số 4 - Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội;
  - 2004 - 2005: Chỉ huy công trình Công ty CP Đầu tư Xây lắp Sông Đà;
  - 2006 - 2009: Đội trưởng Đội 2 Công ty CP Đầu tư – Xây dựng Econ;
  - 2010 - 2012: Đội trưởng Đội XDCT Công ty CP Đầu tư và TM Dầu khí Sông Đà
  - 2012 - 2015: Tổng Giám đốc Công ty CP Xây dựng Hạ Đình
  - Tháng 12/2015 - 2016: Chỉ huy công trình Công ty CP Đầu tư MHD Vina
  - 10/2016 - nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
  + Sở hữu đại diện tổ chức : 0 cổ phần
  + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Khúc Thị Thanh Huyền - Ủy viên HĐQT bầu ngày 24/06/2016 xem phần Ban lãnh đạo

Ông Nguyễn Tuấn Anh – Chủ tịch HĐQT

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 06/09/1972

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tam Sơn – Tiên Sơn – Từ Sơn – Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : Số 13 Lô C Mơ Táo, Tổ 48B Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 038072000039 cấp ngày 13/05/2014 tại cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc Sĩ – Kiến trúc sư
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc - Công ty CP Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
- Quá trình công tác:
  - 1994 - 2000: Cán bộ - Viện nghiên cứu thiết kế trường học;
  - 2001 – 2006: Giám đốc – Văn phòng thiết kế 1;
  - 12/2006 – 4/ 2009: Phó Tổng giám đốc - Công ty INCOMEX;
  - 4/2009 – 8/2009: Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ - Công ty INCOMEX;
  - 8/2009 - 12/2010: Ủy viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
  - 1/2011 – 12/2011: Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc – Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
  - 1/2012 – 11/2013: UV HĐQT, kiêm Giám đốc – Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
  - 4/2014 – 3/2016: Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc – Công ty cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam.
- Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - + Uỷ viên HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Incomex
  - + Uỷ viên HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng Sông Hồng
  - + Uỷ viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Sở hữu đại diện tổ chức : 0 cổ phần
+ Những người có liên quan: 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Nguyễn Ngọc Minh - Ủy viên HĐQT

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 03/02/1965
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thành phố Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : 26 – C8, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 011911975 do CA Hà Nội cấp ngày 06/05/2009
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh Doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Uỷ viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 1988 - 2000: Nhân viên – Công ty vận tải đường biển Hà Nội.
  - 2000 - 2006: Phó phòng Bảo hiểm Hàng Hải, Trưởng phòng giám định Bồi thường - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.
  - 2006 – 9/2007: Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí Hà Nội – Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.
  - 10/2007 – 7/2009: Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI).
  - 07/2009 – 05/2010: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI).
  - 06/2010 - đến nay: Phó tổng giám đốc TCT CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc TCT cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Sở hữu đại diện cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI: 4.350.000 cổ phần.
+ Những người có liên quan: 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Ông Lê Quang Thụ - Uỷ viên HĐQT miễn nhiệm ngày 24/06/2016

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/6/1974
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú : Số 4 Lê Phụng Hiểu, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số CMTND : 011816118 do CA Hà Nội cấp ngày 01/10/2007.
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ thiết kế đô thị, di sản và phát triển bền vững
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Uỷ viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 1997 – 2007 : Trưởng phòng thiết kế - Công ty Sacidelta JVC.;
  - 2008 – 2009 : Phó Tổng giám đốc – Công ty CP đầu tư và phát triển hạ tầng Hoàng Thành;
  - 2009 – 4/2012 : Phó Tổng giám đốc – Công ty CP Tập đoàn Đại Dương;
  - 5/2012 – 10/2013: Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Đại Dương;
  - 11/2013 - nay : UV HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đại Dương;
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đại Dương
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  + Sở hữu đại diện Công ty CP Tập đoàn Đại Dương : 5.042.700 cổ phần
  + Những người có liên quan: 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Nguyễn Khoa Điền - Uỷ viên HĐQT bổ nhiệm ngày25/4/2015

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 16/07/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : Số 24 ngõ 192 Hạ Đình, Thanh Xuân, HN
- Số CMTND : 013432656 do CA Hà Nội cấp ngày 23/6/2012.
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Uỷ viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 2000 – 2001 : Chuyên viên Công ty Đầu tư Khai thác Hồ Tây
  - 2001 – 2003: Chuyên viên Công ty Tư vấn và Thiết kế công trình văn hóa
  - 8/2003 – 2/2009: Trưởng phòng Xây dựng Công ty TNHH VNT
  - 3/2009 – 6/2014: Trưởng phòng Dự án Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Dương
  - 7/2014 – đến nay : Giám đốc Công ty TNHH VNT;
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - + Sở hữu đại diện Công ty TNHH VNT: 8.151.980 cổ phần
  - + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Bùi Văn Phú	CT. HĐQT	07/1/2016	15/17	88%	
2	Ông Đỗ Duy Điền	Uỷ viên	17/5/2016	10/17	59%	
3	Ông Nguyễn Ngọc Minh	Ủy viên		12/17	71%	Đi công tác
4	Ông Nguyễn Khoa Điền	Ủy viên	14/5/2015	11/17	65%	Đi công tác
5	Bà Khúc Thị Thanh Huyền	Ủy viên	24/6/2016	5/17	29%	
Stt	**Thành viên HĐQT**	**Chức vụ**	**Ngày không còn là thành viên HĐQT**	**Số buổi họp HĐQT**	**Tỷ lệ tham dự họp**	**Lý do không tham dự họp**
1	Ông Lê Quang Thụ	Ủy viên	24/6/2016	8/17	47%	
2	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên	21/5/2016	7/17	41%	
3	Bà Vũ Thị Hương	Ủy viên	07/1/2016	2/17	12%	

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành trong năm 2016:

Stt	Số NQ/ QĐ	Ngày ban hành	Nội dung
1	11/NQ-HĐQT-PVCR	07/01/2016	Nghị quyết về việc thông qua việc triển khai Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tản Viên
2	12/NQ-HĐQT-PVCR	07/01/2016	Nghị quyết về việc thông qua báo cáo về việc thanh toán cho nhà thầu phụ của SDCON; Việc đề xuất năng lực giám sát thi công dự án CT10-11 Văn Phú; Phê duyệt chủ trương và kế hoạch triển khai gói thầu thiết kế điều chỉnh quy hoạch cục bộ, chia tách căn hộ dự án CT10-11 Văn Phú
3	13/NQ-HĐQT-PVCR	07/01/2016	Nghị quyết về việc miễn nhiệm Ông Nguyễn Hoàng Nam thôi giữ chức Phó Giám đốc Công ty PVCR
4	14/NQ-HĐQT-PVCR	07/01/2016	Nghị quyết về việc miễn nhiệm Bà Vũ Thị Hương thôi giữ chức Ủy viên HĐQT Công ty PVCR; Bầu Ông Bùi Văn Phú - Người đại

			diện phần vốn của Công ty MHD VINA tại Công ty PVCR làm Ủy viên HĐQT thay bà Vũ Thị Hương
5	15/NQ-HĐQT-PVCR	07/01/2016	Nghị quyết về việc Thông qua các nội dung về công việc đang triển khai, tình hình nhân sự và tiền lương Công ty PVCR
6	16/QĐ-HĐQT-PVCR	07/01/2016	Quyết định về việc miễn nhiệm cán bộ Nguyễn Hoàng Nam
7	101/NQ-HĐQT-PVCR	24/02/2016	Nghị quyết về việc thông qua phương án xử lý đối với OGC-SDCON và trách nhiệm bảo lãnh với Văn Phú Building; Thông qua nội dung Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015 và định hướng kế hoạch năm 2016
8	102/NQ-HĐQT-PVCR	24/02/2016	Nghị quyết về việc báo cáo ước thực hiện kế hoạch SXKD năm 2015 và đề xuất xây dựng kế hoạch SXKD năm 2016
9	103/NQ-HĐQT-PVCR	24/02/2016	Nghị quyết về việc nhân sự quản trị Công ty PVCR
10	111/NQ-HĐQT-PVCR	10/3/2016	Nghị quyết về việc thông qua Đơn từ nhiệm Giám đốc Công ty của ông Nguyễn Tuấn Anh; Thông qua việc cổ đông OGC giới thiệu người giữ chức danh Giám đốc Công ty; Phê duyệt chủ trương cắt giảm bộ máy nhân sự của Công ty PVCR
11	157/NQ-HĐQT-PVCR	12/4/2016	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Bà Khúc Thị Thanh Huyền giữ chức Giám đốc Công ty PVCR
12	158/QĐ-PVCR	12/4/2016	Quyết định bổ nhiệm cán bộ Khúc Thị Thanh Huyền
13	160/NQ-HĐQT-PVCR	14/4/2016	Nghị quyết về việc thành lập Ban quản lý dự án CT10-11 Văn Phú
14	161a/QĐ-HĐQT-PVCR	14/4/2016	Quyết định về việc thành lập Ban quản lý dự án CT10-11 Văn Phú

15	201/NQ-HĐQT-PVCR	05/5/2016	Nghị quyết về việc miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty PVCR; Thay Người đại diện của PVCR tại Ban điều phối dự án CT15 Việt Hưng
16	202/QĐ-HĐQT-PVCR	05/5/2016	Quyết định miễn nhiệm cán bộ Nguyễn Đức Hải
17	203/QĐ-HĐQT-PVCR	05/5/2016	Quyết định miễn nhiệm cán bộ Đỗ Quốc Phương
18	204/QĐ-HĐQT-PVCR	05/5/2016	Quyết định cử Ông Nguyễn Đức Hải là Người đại diện của Công ty PVCR tại Ban điều phối dự án CT15 Việt Hưng
19	205/NQ-HĐQT-PVCR	05/5/2016	Nghị quyết về việc thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
20	206/NQ-HĐQT-PVCR	05/5/2016	Nghị quyết về việc Phê duyệt và ban hành quy chế trả lương sửa đổi
21	207/QĐ-HĐQT-PVCR	05/5/2016	Quyết định về việc ban hành quy chế trả lương sửa đổi của Công ty PVCR
22	208/NQ-HĐQT-PVCR	05/5/2016	Nghị quyết về việc sáp nhập và đổi tên các phòng chức năng của Công ty PVCR
23	209/QĐ-HĐQT-PVCR	05/5/2016	Quyết định về việc sáp nhập phòng Kế hoạch Đầu tư vào phòng Tài chính Kế toán và đổi tên thành phòng Tài chính Kế hoạch
24	210/QĐ-HĐQT-PVCR	05/5/2016	Quyết định về việc đổi tên phòng Tổ chức Hành chính thành phòng Tổ chức Hành chính & Pháp chế
25	211/QĐ-HĐQT-PVCR	05/5/2016	Quyết định về việc đổi tên phòng Quản lý dự án thành phòng Quản lý Đầu tư - Xây dựng cơ bản
26	212/NQ-HĐQT-PVCR	05/5/2016	Nghị quyết về việc giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc cho cán bộ Công ty PVCR
27	251/NQ-HĐQT-PVCR	17/5/2016	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Đức Hải giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty PVCR; Thông qua việc miễn nhiệm Ông Nguyễn Tuấn Anh thôi giữ chức Ủy viên

			HĐQT; Thông qua việc bầu bổ sung Ông Đỗ Duy Điền – Người đại diện phần vốn của Công ty MHD VINA tại Công ty PVCR làm Ủy viên HĐQT thay Ông Nguyễn Tuấn Anh
28	272/QĐ-PVCR	25/5/2016	Quyết định bổ nhiệm cán bộ Nguyễn Đức Hải
29	356/NQ-ĐHĐCĐ-PVCR	24/6/2016	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 Công ty PVCR
30	368/NQ-HĐQT-PVCR	07/07/2016	Nghị quyết về việc Lựa chọn Công ty thực hiện kiểm toán và soát xét BCTC năm 2016 của Công ty PVCR
31	424/QĐ-HĐQT-PVCR	15/8/2016	Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và quy định về chi tiêu tài chính sửa đổi Công ty PVCR
32	466/NQ-HĐQT-PVCR	12/9/2016	Nghị quyết về việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Cimeico là Công ty kiểm toán toàn bộ hệ thống kinh doanh và chi phí của Công ty PVCR từ 2010 – 30/6/2016
33	467/NQ-HĐQT-PVCR	12/9/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch tiếp tục triển khai Dự án Khu du lịch Quốc tế cao cấp Tản Viên
34	468/NQ-HĐQT-PVCR	12/9/2016	Nghị quyết về việc Thông qua cơ chế tài chính của BQLDA CT10-11 Văn Phú đối với công việc do CBNV BQLDA CT10-11 Văn Phú tự tìm kiếm
35	469/NQ-HĐQT-PVCR	12/9/2016	Nghị quyết về việc Phê duyệt thanh lý trang thiết bị (đã hết giá trị khấu hao), hỏng và không có nhu cầu sử dụng
36	482/NQ-HĐQT-PVCR	20/9/2016	Nghị quyết về việc Thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn góp của PVCR tại các doanh nghiệp khác; Miễn nhiệm chức danh PGĐ đối với Ông Nguyễn Phi Hùng và Ông Đỗ Quốc Phương
37	483/NQ-HĐQT-PVCR	20/9/2016	Nghị quyết về việc Miễn nhiệm chức danh TGĐ Công ty PVCR đối và Bà Khúc Thị

			Thanh Huyền
38	484/NQ-HĐQT-PVCR	20/9/2016	Nghị quyết về việc Bổ nhiệm Ông Đỗ Duy Điền giữ chức Tổng Giám đốc Công ty PVCR
39	485/QĐ-HĐQT-PVCR	20/9/2016	Quyết định về việc Thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty PVCR tại Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (Ông Đỗ Duy Điền thay Ông Nguyễn Tuấn Anh)
40	486/QĐ-HĐQT-PVCR	20/9/2016	Quyết định về việc Thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty PVCR tại Công ty CP Xây dựng Sông Hồng (Ông Đỗ Duy Điền thay Ông Nguyễn Tuấn Anh)
41	487/QĐ-HĐQT-PVCR	20/9/2016	Quyết định về việc Thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty PVCR tại Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (Bà Khúc Thị Thanh Huyền thay Ông Nguyễn Tuấn Anh)
42	488/QĐ-HĐQT-PVCR	20/9/2016	Quyết định về việc Thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty PVCR tại Công ty CP Đầu tư PV2 (Ông Đỗ Duy Điền thay Bà Nguyễn Thị Hà Thu)
43	489/QĐ-HĐQT-PVCR	20/9/2016	Quyết định về việc Thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty PVCR tại Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (Bà Khúc Thị Thanh Huyền thay Ông Nguyễn Phi Hùng)
44	490/QĐ-HĐQT-PVCR	20/9/2016	Quyết định về việc Thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty PVCR tại Công ty CP Đầu tư Thương mại Dầu khí Việt Nam (Ông Đỗ Duy Điền thay Ông Đỗ Quốc Phương và Ông Trần Ngọc Thắng)
45	491/QĐ-HĐQT-PVCR	20/9/2016	Quyết định về việc Thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty PVCR tại Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An (Bà Khúc Thị Thanh Huyền thay Ông Đỗ Quốc

			Phương)
46	492/QĐ-HĐQT-PVCR	20/9/2016	Quyết định về việc Miễn nhiệm cán bộ (Ông Nguyễn Phi Hùng thôi giữ chức PGĐ Công ty)
47	493/QĐ-HĐQT-PVCR	20/9/2016	Quyết định về việc Miễn nhiệm cán bộ (Ông Đỗ Quốc Phương thôi giữ chức PGĐ Công ty)
48	494/QĐ-HĐQT-PVCR	20/9/2016	Quyết định về việc Miễn nhiệm cán bộ (Bà Khúc Thị Thanh Huyền thôi giữ chức TGĐ Công ty)
49	495/QĐ-HĐQT-PVCR	20/9/2016	Quyết định về việc Bổ nhiệm cán bộ (Ông Đỗ Duy Điền giữ chức TGĐ Công ty)
50	522/NQ-HĐQT-PVCR	05/10/2016	Nghị quyết về việc Thông qua việc thanh lý HĐGV và hoàn trả lại tiền cho một số khách hàng đã đặt cọc, góp vốn tại Dự án CT15 Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
51	559/NQ-HĐQT-PVCR	03/11/2016	Nghị quyết về việc thông qua nội dung Đơn xin nghỉ việc và miễn nhiệm toàn bộ các chức vụ mà Ông Nguyễn Đức Hải hiện đang nắm giữ tại Công ty PVCR
52	560/NQ-HĐQT-PVCR	03/11/2016	Nghị quyết về việc Thông qua Đơn xin ứng cử chức vụ PTGĐ Công ty của Bà Khúc Thị Thanh Huyền và bổ nhiệm Bà Khúc Thị Thanh Huyền giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty PVCR
53	563/QĐ-HĐQT-PVCR	03/11/2016	Quyết định về việc Thông qua nội dung Đơn xin nghỉ việc và miễn nhiệm toàn bộ các chức vụ mà Ông Nguyễn Đức Hải hiện đang nắm giữ tại Công ty PVCR
54	565/QĐ-HĐQT-PVCR	04/11/2016	Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ (Bà Khúc Thị Thanh Huyền giữ chức PTGĐ Công ty)

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

1.5 Hoạt động của tiểu ban trọng Hội đồng quản trị: Không

1.6 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

1.7 Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm .

2. Ban kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Bà Trần Thị Hương Thủy – Trưởng Ban Kiểm soát miễn nhiệm ngày 24/06/2016

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 16/11/1970
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : 209 Vũ Tông Phan, Tổ 1, Cụm 5, Khương Đình, Hà Nội
- Hộ khẩu : 209 Vũ Tông Phan, Tổ 1, Cụm 5, Khương Đình, Hà Nội
- Số CMTND/Hộ chiếu : 012043832 do Công An Hà Nội cấp ngày 02/08/2011
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác:
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  + - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
  + - Sở hữu đại diện tổ chức : 0 cổ phần
  + - Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Ông Đỗ Ngọc Hải – thành viên Ban kiểm soát miễn nhiệm ngày 24/06/2016

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 28 tháng 07 năm 1976

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tam Hợp – Bình Xuyên – Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú : Phòng 107 Khu TT tổng cục địa chính, ngõ 71 đường Nguyễn Chí Thanh Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND : 013367044 do CA Hà Nội cấp ngày 17/11/2010
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật (Trường ĐH Luật Hà Nội)
- Quá trình công tác:
  - 6/2006 – 12/2006: Chuyên viên Tư vấn Luật – Công ty Luật Hà Nội
  - 1/2007 – 12/2008: Chuyên viên pháp chế – Công ty CP Đầu tư và phát triển công nghệ cao Vinashin
  - 4/2010 – 5/2012: Giám đốc – Giám đốc Chi nhánh Hà Nội – Công ty CP Chứng khóan Sao Việt;
  - 4/2010 – 2/2012: Giám đốc – Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Tài chính Liên Việt
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: không
  - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
  - + Sở hữu đại diện nhà nước : 0 cổ phần
  - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Hồ Đắc Hiếu - Thành viên Ban kiểm soát miễn nhiệm ngày 24/06/2016

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 05/1/1976
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú : 72 Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số CMND : 012379229 do CA Hà Nội cấp ngày 21/8/2000

- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư quy hoạch đô thị và nông thôn
- Quá trình công tác:
  - 2000 – 2002: Cán bộ Công ty TNHH Trí Đức, Hà Nội
  - 2003 – 2005: TP chi nhánh Công ty Đầu tư xây dựng và KD nhà Quảng Ninh tại HN
  - 2005 – 2007: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Tân Á Đông Hà Nội
  - 2008 – 2015: Trưởng phòng Đầu tư, Trợ lý Giám đốc Công ty PVCR

  Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: không
  - + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
  - + Sở hữu đại diện nhà nước : 0 cổ phần
  - + Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Vũ Thị Hương – Trưởng Ban Kiểm soát bầu ngày 24/06/2016

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 07/12/1982
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú : P107 C1 Tân Mai, P. Tân Mai, Hoàng Mai, HN
- Số CMTND : 013298845 do CA Hà Nội cấp ngày 7/5/2010.
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Uỷ viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 2005 – 2012 : Chuyên viên kế toán Công ty cổ phần Đầu tư 135
  - 2013 – 2014 : Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng Hạ Đình

- 8/2014 – 10/2015: Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư MHD
- 11/2015 – 2/2017: Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Kinh doanh NDP
- 3/2017 – nay: Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng HD Thanh Xuân

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
  + Sở hữu đại diện Công ty: 0 cổ phần
  + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Vũ Xuân Dương - Thành viên Ban kiểm soát bầu ngày 24/06/2016

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/02/1983
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Ninh Giang, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : 516, CT6, Đơn nguyên 2, Định Công, Hoàng Mai, HN
- Số CMND : 013348235 do CA Hà Nội cấp ngày 15/9/2010
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên BKS - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác:
  - 2004 - 2014: Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
  - 2014 - 2015: Tư vấn viên tự do
  - 2015 - nay: Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn Đại Dương

  Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan: không

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
+ Sở hữu đại diện nhà nước : 0 cổ phần
+ Những người có liên quan : 0 cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Bà Ngô Thị Minh Nguyệt - Thành viên Ban kiểm soát bầu ngày 24/06/2016

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 01/09/1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú : 30/91 tổ 14, Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội
- Số CMTND : 017258982 do CA Hà Nội cấp ngày 27/9/2012
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên BKS - Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - 2001 – 6/2004 : Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Cường & Thịnh
  - 2004 – 8/2008 : Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng và Tư vấn thiết kế Liên Minh
  - 9/2008 – 11/2015: Kế toán trưởng Công ty CP TVXD và TM Điện 1
  - T12/2015 – nay : Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư MHD Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  + Những người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng quy định bởi Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đã trao đổi thường xuyên tình hình công việc.

Những nội dung cơ bản hoạt động kiểm soát năm 2016:

Thực hiện chức năng giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Kiểm soát hoạt động lãnh đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giam đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, trong quá trình lãnh đạo, giám sát Giám đốc về sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn;
- Kiểm soát việc HĐQT lãnh đạo, giám sát Giám đốc công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Thực hiện chức năng giám sát đối với Giám đốc và bộ máy quản lý, cụ thể:

- Kiểm soát hoạt động điều hành, thực hiện Nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Kiểm soát việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ công ty;
- Kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Kiểm soát việc xây dựng, ban hành, thực hiện và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, quy chế, quy trình quản lý của công ty…
- Kiểm soát việc thực hiện quy chế phối hợp với HĐQT trong hoạt động điều hành.

2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tính chất công việc	Thù lao
	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			**435.000.000**
1	Bùi Văn Phú	TV HĐQT KN	Chuyên trách	309.000.000
2	Nguyễn Ngọc Minh	TV HĐQT KN	Kiêm nhiệm	36.000.000
3	Nguyễn Khoa Điền	TV HĐQT KN	Kiêm nhiệm	36.000.000
4	Lê Quang Thụ	TV HĐQT KN	Kiêm nhiệm	18.000.000
5	Nguyễn Tuấn Anh	TV HĐQT KN	Kiêm nhiệm	9.000.000
6	Đỗ Duy Điền	TV HĐQT KN	Kiêm nhiệm	18.000.000
7	Vũ Thị Hương	TV HĐQT KN	Kiêm nhiệm	9.000.000

	BAN KIỂM SOÁT			**152.600.000**
1	Trần Hương Thủy	Trưởng ban BKS	Kiêm nhiệm	12.000.000
2	Đỗ Ngọc Hải	TV BKS	Kiêm nhiệm	12.000.000
3	Hồ Đắc Hiếu	TV BKS	Kiêm nhiệm	12.000.000
4	Vũ Thị Hương	Trưởng ban BKS	Chuyên trách	60.650.000
5	Ngô Thị Minh Nguyệt	TV BKS	Chuyên trách	55.950.000
6	Vũ Xuân Dương	TV BKS	Kiêm nhiệm	0
	BAN GIÁM ĐỐC			**1.010.205.072**
1	Nguyễn Tuấn Anh	CT HĐQT/GĐ	Chuyên trách	258.000.000
2	Đỗ Quốc Phương	Phó Giám đốc	Chuyên trách	204.247.453
3	Nguyễn Phi Hùng	Phó Giám đốc	Chuyên trách	207.859.779
4	Nguyễn Đức Hải	Phó Giám đốc	Chuyên trách	252.147.263
5	Khúc Thị Thanh Huyền	TGĐ/P.TGĐ	Chuyên trách	82.705.577
6	Đỗ Duy Điền	Tổng giám đốc	Chuyên trách	5.245.000
Tổng cộng				**1.597.805.072**

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Công ty CP Đầu tư MHD VINA	CĐL	12,483,100	23.5			Bán
2	Trần Ngọc Bẩy	CĐL	0	0	12,483,100	23.5	Mua mới
3	Bùi Văn Phú	CT HĐQT	0	0	1.628.700	3.14	Mua mới
4	Khúc Thị Thanh Huyền	UV HĐQT	0	0	2.539.400	4.78	Mua mới

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước và phát luật đó là: Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành; Quy chế quản trị công ty và Điều lệ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiếm kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 (Đã điều chỉnh) VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**744,884,741,454**	**802,185,171,249**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**03**	**1,487,226,906**	**11,911,102,910**
111	1. Tiền		447,226,906	2,871,102,910
112	2. Các khoản tương đương tiền		1,040,000,000	9,040,000,000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**04**	**5,427,075,622**	**8,439,270,311**
121	1. Chứng khoán kinh doanh		5,427,075,622	9,756,360,311
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(1,317,090,000)
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**24,036,175,225**	**35,039,177,118**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	806,468,600	92,300,000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	22,632,269,238	21,793,957,038
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	14,075,677,387	16,731,160,080
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13,478,240,000)	(3,578,240,000)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**09**	**693,393,686,667**	**723,389,925,517**
141	1. Hàng tồn kho		693,393,686,667	723,389,925,517
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**20,540,577,034**	**23,405,695,393**
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		20,315,419,500	22,855,073,961
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	225,157,534	550,621,432
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**251,684,244,014**	**252,451,758,765**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		-	**10,000,000**
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	-	10,000,000
220	**II. Tài sản cố định**		-	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	-	-
222	*- Nguyên giá*		*2,217,347,586*	*2,217,347,586*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(2,217,347,586)*	*(2,217,347,586)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	*- Nguyên giá*		*303,000,000*	*303,000,000*
229	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(303,000,000)*	*(303,000,000)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**14,731,742,479**	**14,728,580,206**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	14,731,742,479	14,728,580,206
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**04**	**229,403,888,820**	**230,327,888,820**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		21,350,000,000	21,350,000,000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		227,182,444,751	227,182,444,751
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(19,128,555,931)	(18,204,555,931)
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**7,548,612,715**	**7,385,289,739**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	7,548,612,715	7,385,289,739
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**996,568,985,468**	**1,054,636,930,014**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 (Đã điều chỉnh) VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**508,729,988,785**	**554,903,290,409**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**508,729,988,785**	**554,903,290,409**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	43,281,155,516	43,438,919,270
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	83,667,601,153	86,256,431,159
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	58,871,810	39,883,728
314	4. Phải trả người lao động		642,525,170	1,049,920,841
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	606,252,079	527,003,031
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	377,464,305,445	411,568,901,328
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	1,429,046,560	10,000,000,000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1,580,231,052	2,022,231,052
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**487,838,996,683**	**499,733,639,605**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**20**	**487,838,996,683**	**499,733,639,605**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		531,009,130,000	531,009,130,000
411a	*Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết*		*531,009,130,000*	*531,009,130,000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11,788,944,000	11,788,944,000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(10,507,397,490)	(10,507,397,490)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		10,687,396,552	10,687,396,552
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4,378,477,974	4,378,477,974
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(59,517,554,353)	(47,622,911,431)
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*(47,622,911,431)*	*(20,174,939,288)*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*(11,894,642,922)*	*(27,447,972,143)*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**996,568,985,468**	**1,054,636,930,014**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**37,059,483,722**	**2,958,469,091**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**21**	**37,059,483,722**	**2,958,469,091**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**22**	**34,805,419,537**	**2,875,047,438**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**2,254,064,185**	**83,421,653**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	372,410,433	288,301,809
22	7. Chi phí tài chính	24	11,240,964	14,672,131,429
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	*11,367,823*
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	14,191,572,678	12,067,864,176
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(11,576,339,024)**	**(26,368,272,143)**
31	11. Thu nhập khác		7,160,000	-
32	12. Chi phí khác		-	1,079,700,000
40	**13. Lợi nhuận khác**		**7,160,000**	**(1,079,700,000)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(11,569,179,024)**	**(27,447,972,143)**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	325,463,898	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**(11,894,642,922)**	**(27,447,972,143)**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**27**	**(229)**	**(517)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết	Năm 2016	Năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***(11,569,179,024)***	***(27,447,972,143)***
	2. Điều chỉnh cho các khoản		***9,134,499,567***	***15,580,271,933***
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		-	12,916,668
03	- Các khoản dự phòng		9,506,910,000	15,704,443,256
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(372,410,433)	(148,455,814)
06	- Chi phí lãi vay		-	11,367,823
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***(2,434,679,457)***	***(11,867,700,210)***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1,114,030,635	4,423,798,681
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		29,996,238,850	(18,972,276,897)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(34,699,145,924)	15,095,276,515
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(163,322,976)	(80,497,616)
14	- Tiền lãi vay đã trả		4,329,284,689	(3,480,462,875)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(11,367,823)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		(442,000,000)	(603,650,000)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		***(2,299,594,183)***	***(15,496,880,225)***
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		75,928,636	(1,750,000)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(38,057,000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	14,348,220,000
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		372,410,433	288,292,814
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		***448,339,069***	***14,596,705,814***
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	11,083,737,290
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(8,570,953,440)	(1,083,737,290)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1,667,450)	(40,205,700)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(8,572,620,890)***	***9,959,794,300***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(10,423,876,004)**	**9,059,619,889**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**11,911,102,910**	**2,851,483,021**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**03**	**1,487,226,906**	**11,911,102,910**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0500547376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1, CT10-11 Khu đô thị Văn Phú, Phú La, Hà Đông, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 531.009.130.000 đồng; tương đương 53.100.913 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh các công trình tòa nhà chung cư.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị đối với các hoạt động xây lắp phụ thuộc vào thời gian thực hiện từng dự án (có thể kéo dài trên 12 tháng), đối với các hoạt động kinh doanh khác thì chu kỳ kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành bàn giao 5 căn Biệt thự của Dự Án Việt Hưng và đã ghi nhận Doanh thu, giá vốn. Tuy nhiên, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty chưa đem lại hiệu quả, bên cạnh đó các nguồn vốn để thực hiện các dự án gặp khó khăn dẫn đến một số dự án của Công ty bị chậm tiến độ so với kế hoạch xây dựng ban đầu làm cho Công ty lỗ liên tục trong nhiều năm, dòng tiền âm và nhiều khoản công nợ quá hạn... Trước những khó khăn như trên, Công ty đã bắt đầu thực hiện tái cơ cấu lại bộ máy, tập trung bố trí các nguồn lực để đẩy nhanh xây dựng Dự án CT10 - 11 Văn Phú - Hà Đông nhằm lấy lại uy tín của khách hàng và hình ảnh của Công ty. Đối với các Dự án ít khả thi, Công ty đang nghiên cứu các phương án nhằm thực hiện chuyển nhượng lại dự án bao gồm: Dự án tòa nhà 18T1 tại chung cư CT15 Việt Hưng và Dự án Tản Viên.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu
Tài sản tài chính
Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính
Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:
- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tại đơn vị là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí phát sinh theo từng công trình chưa hoàn thành tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Đối với chi phí trả trước liên quan đến Dự án CT10 - 11 Văn Phú - Hà Đông, được tập hợp và được kết chuyển vào kết quả sản xuất kinh doanh khi dự án hoàn thành và bàn giao cho khách hàng.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán năm được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi vay, chi phí kiểm toán, chi phí thuê văn phòng được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:
- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này .

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	125,954,836	436,105,427
Tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn (i)	321,272,070	2,434,997,483
Các khoản tương đương tiền (i)	1,040,000,000	9,040,000,000
	1,487,226,906	**11,911,102,910**

(i) Tại ngày 31/12/2016: Khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương có số dư lần lượt là: 171.689.941 đồng và 1.040.000.000 đồng đang bị phong tỏa do có cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2014 là người có liên quan đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai khi có quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân Hàng Nhà Nước, do đó tổn thất (nếu có) ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là không trọng yếu. Theo đó, Ban Giám đốc không trích lập dự phòng tổn thất tài sản cho khoản tiền bị phong tỏa này và tiếp tục trình bày khoản tiền này trên khoản mục tiền và tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu						
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	-	-	-	*4,329,284,689*	*3,012,194,689*	*1,317,090,000*
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	*5,427,075,622*	*5,812,480,000*	-	*5,427,075,622*	*5,427,075,622*	-
	5,427,075,622	**5,812,480,000**	-	**9,756,360,311**	**8,439,270,311**	**1,317,090,000**

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HNX.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	21,350,000,000	2,186,652,181	21,350,000,000	2,186,652,181
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Việt Nam (i)	21,350,000,000	2,186,652,181	21,350,000,000	2,186,652,181
Các khoản đầu tư khác	227,182,444,751	16,941,903,750	227,182,444,751	16,017,903,750
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO	12,000,000,000	9,600,000,000	12,000,000,000	8,880,000,000
- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	5,100,000,000	4,233,000,000	5,100,000,000	4,029,000,000
- Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh (i)	5,000,000,000	3,108,903,750	5,000,000,000	3,108,903,750
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An	205,082,444,751	-	205,082,444,751	-
	248,532,444,751	**19,128,555,931**	**248,532,444,751**	**18,204,555,931**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(i) Các khoản dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh được trích lập theo Báo cáo tài chính năm 2015.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	22%	22%	Đầu tư kinh doanh và khai thác bất động sản

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO	Hồ Chí Minh	1.45%	1.45%	Xây dựng công trình dân dụng
- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	Hà Nội	1.37%	1.37%	Đầu tư kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	Thanh Hóa	2.63%	2.63%	Kinh doanh khách sạn
- Khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An	Hà Nội	19.50%	19.50%	Đầu tư xây dựng

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ Phần Thiết kế Heerim - PVC	92,300,000	92,300,000
- Ông Lê Hữu Sơn	464,670,600	-
- Ông Nguyễn Xuân Triều	249,498,000	-
	806,468,600	**92,300,000**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Trung tâm Giao dịch Đất đai và Phát triển quỹ đất Hà Nội	1,278,263,456	-	1,278,263,456	-
- Ban điều hành các Dự án của PVC tại Hà Nội	9,475,374,339	-	9,475,374,339	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư AHC Việt Nam	-	-	1,166,011,100	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	6,114,446,393	-	6,114,446,393	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú Building	1,000,000,000	-	1,000,000,000	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	-	-	10,000,000	-
- Các khoản trả trước người bán khác	4,764,185,050	-	2,749,861,750	-
	22,632,269,238	-	**21,793,957,038**	-

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư NNP	652,565,191	-	669,545,461	-
- Phải thu Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng về việc hoàn tiền đã nộp do hủy hợp đồng mua nhà	3,485,940,000	3,485,940,000	3,485,940,000	3,485,940,000
- Phải thu ông Phạm Quốc Anh về tiền chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam	9,900,000,000	9,900,000,000	9,900,000,000	-
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	-	-	1,976,629,008	-
- Phải thu khác	37,172,196	-	699,045,611	-
	14,075,677,387	**13,385,940,000**	**16,731,160,080**	**3,485,940,000**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	-	-	10,000,000	-
	-	-	**10,000,000**	-

8. NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công đoàn Công ty Cổ phần thiết kế Heerim - PVC	92,300,000	-	92,300,000	-
Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Vĩnh Hưng	3,485,940,000	-	3,485,940,000	-
Phải thu ông Phạm Quốc Anh	9,900,000,000	-	9,900,000,000	9,900,000,000
	13,478,240,000	-	**13,478,240,000**	**9,900,000,000**

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	693,393,686,667	-	723,389,925,517	-
- *Dự án chung cư CT10-11 Văn Phú, Hà Đông*	*652,238,952,739*		*650,054,497,407*	
- *Dự án tổ hợp căn hộ và dịch vụ chung cư CT15 Việt Hưng - lô chung cư*	*41,154,733,928*		*41,432,619,626*	
- *Dự án tổ hợp căn hộ và dịch vụ chung cư CT15 Việt Hưng - lô nhà vườn*	-		*31,902,808,484*	
	693,393,686,667	-	**723,389,925,517**	-

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Dự án Khu du lịch Quốc tế cao cấp Tản Viên (i)	14,731,742,479	14,728,580,206
	14,731,742,479	**14,728,580,206**

(i) Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tản Viên, Ba Vì, Hà Nội đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Chi phí phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí tư vấn lập quy hoạch xây dựng, cung cấp bản đồ địa hình, chi phí tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công,.... Ngày 12 tháng 03 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Nghị Quyết giao cho Ban Giám đốc Công ty tìm kiếm đối tác để thực hiện các thủ tục pháp lý để thoái vốn hoặc ký hợp đồng thỏa thuận hợp tác đầu tư. Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 các công việc này vẫn đang được Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục triển khai.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	**VND**
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1,554,894,000	662,453,586	2,217,347,586
Số dư cuối năm	**1,554,894,000**	**662,453,586**	**2,217,347,586**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1,554,894,000	662,453,586	2,217,347,586
Số dư cuối năm	**1,554,894,000**	**662,453,586**	**2,217,347,586**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2,217,347,586 VND

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2016 là giá trị phần mềm máy tính có nguyên giá là 303.000.000 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2016 là 303.000.000 đồng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	211,767,769	64,085,597
- Chi phí tìm kiếm khách hàng mua nhà cho dự án CT10-11 Văn Phú, Hà Đông	7,336,844,946	7,321,204,142
	7,548,612,715	**7,385,289,739**

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Đình	10,000,000,000	10,000,000,000	-	8,570,953,440	1,429,046,560	1,429,046,560
	10,000,000,000	**10,000,000,000**	**-**	**8,570,953,440**	**1,429,046,560**	**1,429,046,560**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 10/HĐ/2015/PVCR-HD ngày 15/04/2015 giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Đình kèm phụ lục Hợp đồng vay tiền số 01-10/HĐ/2015/PVCR-10 ngày 08/06/2016 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

+ Mục đích vay: thanh toán cho các nhà thầu đã thi công các hạng mục của Dự án tòa nhà chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại CT10 - 11 Văn Phú, Hà Đông;
+ Thời gian vay: từ ngày 20/04/2015 đến ngày 31/12/2016;
+ Lãi suất cho vay: từ ngày 20/04/2015 đến 31/07/2016 tính 5%/ năm. Từ ngày 01/08/2016 áp dụng theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần từng thời điểm;

+ Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 1.429.046.560 đồng.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	14,432,195,203	14,432,195,203	14,432,195,203	14,432,195,203
- Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	12,800,000,000	12,800,000,000	12,800,000,000	12,800,000,000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	10,000,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	3,512,730,039	3,512,730,039	3,512,730,039	3,512,730,039
- Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú Building	1,785,974,407	1,785,974,407	1,785,974,407	1,785,974,407
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Hương Giang	428,806,000	428,806,000	428,806,000	428,806,000
- Phải trả các đối tượng khác	321,449,867	321,449,867	479,213,621	479,213,621
	43,281,155,516	**43,281,155,516**	**43,438,919,270**	**43,438,919,270**
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	14,432,195,203	14,432,195,203	14,432,195,203	14,432,195,203
- Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	12,800,000,000	12,800,000,000	12,800,000,000	12,800,000,000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	10,000,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	3,512,730,039	3,512,730,039	3,512,730,039	3,512,730,039
- Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú Building	1,785,974,407	1,785,974,407	1,785,974,407	1,785,974,407
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Hương Giang	428,806,000	428,806,000	428,806,000	428,806,000
	42,959,705,649	**42,959,705,649**	**42,959,705,649**	**42,959,705,649**

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Khách hàng mua Biệt thự nhà viền tại Dự án Việt Hưng	-	32,941,433,755
- Khách hàng mua căn hộ tại Dự án Văn Phú	82,463,097,853	53,314,997,404
- Khách hàng mua Dự án Hạ Long	1,204,503,300	-
	83,667,601,153	**86,256,431,159**

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	550,621,432	-	325,463,898	-	225,157,534	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	39,883,728	47,076,520	28,088,438	-	58,871,810
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3,000,000	3,000,000	-	-
	550,621,432	**39,883,728**	**375,540,418**	**31,088,438**	**225,157,534**	**58,871,810**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	6,252,079	354,166,667
- Chi phí trích tiền thuê văn phòng tầng M1 CT12 Văn Phú	-	109,200,000
- Chi phí khác	600,000,000	63,636,364
	606,252,079	**527,003,031**

19. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	13,525,856	423,592,769
- Nhận tiền góp vốn vào Dự án Văn Phú	193,197,992,972	226,258,044,840
- Nhận tiền góp vốn vào Dự án Việt Hưng	144,620,000	496,520,000
- Phải trả cổ tức năm 2010 và năm 2011 cho một số cổ đông	18,488,893,400	18,490,560,850
- Phải trả Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc mua cổ phần của Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVCI)	18,000,000,000	18,000,000,000
- Phải trả Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An về việc kế thừa nghĩa vụ khi chuyển nhượng cổ phần với Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	105,872,468,579	105,872,468,579
- Phải trả Công ty CP Tập đoàn Đại Dương về tiền nhận đặt cọc để thực hiện chuyển nhượng 5 tầng khối đế của Dự án CT10 -11 Văn Phú Hà Đông theo Hợp đồng đặt cọc số 15/2013/HĐĐC/OGC-PVR ngày 28/03/2013.	40,017,888,881	40,017,888,881
- Phải trả khác	1,728,915,757	2,009,825,409
	377,464,305,445	**411,568,901,328**

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**531,009,130,000**	**11,788,944,000**	**(10,507,397,490)**	**4,378,477,974**	**10,687,396,552**	**(20,174,939,288)**	**527,181,611,748**
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(27,447,972,143)	(27,447,972,143)
Số dư cuối năm trước	**531,009,130,000**	**11,788,944,000**	**(10,507,397,490)**	**4,378,477,974**	**10,687,396,552**	**(47,622,911,431)**	**499,733,639,605**
Số dư đầu năm nay	**531,009,130,000**	**11,788,944,000**	**(10,507,397,490)**	**4,378,477,974**	**10,687,396,552**	**(47,622,911,431)**	**499,733,639,605**
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(11,894,642,922)	(11,894,642,922)
Số dư cuối năm nay	**531,009,130,000**	**11,788,944,000**	**(10,507,397,490)**	**4,378,477,974**	**10,687,396,552**	**(59,517,554,353)**	**487,838,996,683**

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	50,427,000,000	9.50%	50,427,000,000	9.50%
- Công ty TNHH VNT	81,519,800,000	15.35%	81,519,800,000	15.35%
- Công ty Cổ phần quản lý quỹ PVI	43,500,000,000	8.19%	43,500,000,000	8.19%
- Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu	43,500,000,000	8.19%	43,500,000,000	8.19%
- Công ty Cổ phần Đầu tư MHD Vina	-	0.00%	124,831,000,000	23.51%
- Ông Trần Ngọc Bảy	124,831,000,000	23.51%	-	0.00%
- Cổ đông khác	175,289,330,000	33.01%	175,289,330,000	33.01%
- Cổ phiếu quỹ	11,942,000,000	2.25%	11,942,000,000	2.25%
	531,009,130,000	**100%**	**531,009,130,000**	**100%**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- *Vốn góp đầu năm*	*531,009,130,000*	*531,009,130,000*
- *Vốn góp cuối năm*	*531,009,130,000*	*531,009,130,000*

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	53,100,913	53,100,913
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	53,100,913	53,100,913
- *Cổ phiếu phổ thông*	*53,100,913*	*53,100,913*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1,194,200	1,194,200
- *Cổ phiếu phổ thông*	*1,194,200*	*1,194,200*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51,906,713	51,906,713
- *Cổ phiếu phổ thông*	*51,906,713*	*51,906,713*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10,000	10,000

f) Các quỹ của Công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	10,687,396,552	10,687,396,552
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4,378,477,974	4,378,477,974
	15,065,874,526	**15,065,874,526**

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	37,059,483,722	2,958,469,091
	37,059,483,722	**2,958,469,091**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	34,805,419,537	2,875,047,438
	34,805,419,537	**2,875,047,438**

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	117,160,433	288,292,814
Cổ tức, lợi nhuận được chia	255,250,000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	8,995
	372,410,433	**288,301,809**

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	11,367,823
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	404,330,964	161,360,350
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	924,000,000	14,499,403,256
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán kinh doanh khi bán	(1,317,090,000)	-
	11,240,964	**14,672,131,429**

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	2,555,919,440	4,291,456,547
Chi phí dự phòng	9,900,000,000	4,955,040,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	432,982,975	1,268,376,522
Chi phí khác bằng tiền	1,302,670,263	1,552,991,107
	14,191,572,678	**12,067,864,176**

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	(11,569,179,024)	(27,447,972,143)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(11,569,179,024)	(27,447,972,143)
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HĐKD bất động sản	325,463,898	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản	(550,621,432)	(550,621,432)
Thuế TNDN đã nộp trong năm của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	**(225,157,534)**	**(550,621,432)**
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**(225,157,534)**	**(550,621,432)**

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(11,894,642,922)	(27,447,972,143)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(11,894,642,922)	(27,447,972,143)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	51,906,713	53,100,913
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(229)**	**(517)**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	2,531,501,846
Chi phí nhân công	2,555,919,440	4,763,919,047
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	12,916,668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35,458,382,817	1,466,009,474
Chi phí trích lập dự phòng	9,900,000,000	4,955,040,000
Chi phí khác bằng tiền	1,082,689,958	1,213,524,579
	48,996,992,215	**14,942,911,614**

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1,487,226,906	-	11,911,102,910	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14,882,145,987	(13,478,240,000)	16,833,460,080	(3,578,240,000)
Đầu tư ngắn hạn	5,427,075,622	-	9,756,360,311	(1,317,090,000)
Đầu tư dài hạn	227,182,444,751	(16,941,903,750)	227,182,444,751	(16,017,903,750)
	248,978,893,266	**(30,420,143,750)**	**265,683,368,052**	**(20,913,233,750)**

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính	1,429,046,560	10,000,000,000
Vay và nợ	420,745,460,961	455,007,820,598
Phải trả người bán, phải trả khác	606,252,079	527,003,031
Chi phí phải trả	**422,780,759,600**	**465,534,823,629**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1,487,226,906	-	-	1,487,226,906
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1,403,905,987	-	-	1,403,905,987
Đầu tư ngắn hạn	5,427,075,622	-	-	5,427,075,622
Đầu tư dài hạn	-	210,240,541,001	-	210,240,541,001
	8,318,208,515	**210,240,541,001**	-	**218,558,749,516**
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11,911,102,910	-	-	11,911,102,910
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13,245,220,080	10,000,000	-	13,255,220,080
Đầu tư ngắn hạn	8,439,270,311	-	-	8,439,270,311
Đầu tư dài hạn	-	211,164,541,001	-	211,164,541,001
	33,595,593,301	**211,174,541,001**	-	**244,770,134,302**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2016	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	1,429,046,560	-	-	1,429,046,560
Phải trả người bán, phải trả khác	420,745,460,961	-	-	420,745,460,961
Chi phí phải trả	606,252,079	-	-	606,252,079
	422,780,759,600	**-**	**-**	**422,780,759,600**
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	10,000,000,000	-	-	10,000,000,000
Phải trả người bán, phải trả khác	455,007,820,598	-	-	455,007,820,598
Chi phí phải trả	527,003,031	-	-	527,003,031
	465,534,823,629	**-**	**-**	**465,534,823,629**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng (i)	1,211,689,941	2,099,055,973

(i) Tại ngày 31/12/2016: Khoản tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương có số dư lần lượt là: 171.689.941 đồng và 1.040.000.000 đồng đang bị phong tỏa do có cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2014 là người có liên quan đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai khi có quyết định/hướng dẫn cụ thể của Ngân Hàng Nhà Nước, do đó tổn thất (nếu có) ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là không trọng yếu. Theo đó, Ban Giám đốc không trích lập dự phòng tổn thất tài sản cho khoản tiền bị phong tỏa này và tiếp tục trình bày khoản tiền này trên khoản mục tiền và tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

b) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường;	-	11,083,737,290

c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường;	8,570,953,440	1,083,737,290

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là xây dựng, kinh doanh bất động sản và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi		
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	1,211,689,941	2,099,055,973
Cổ tức phải trả		
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	6,000,000,000	6,000,000,000
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An	105,872,468,579	105,872,468,579
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (OCH)		
Nhận đặt cọc chuyển nhượng Trung tâm Thương mại		
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương (OGC)	40,017,888,881	40,017,888,881

Thu nhập của Ban giám đốc và HĐQT	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	1,028,746,068	819,730,930

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
a/ Bảng Cân đối kế toán			
Chứng khoán kinh doanh	121	9,756,360,311	214,838,805,062
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	248,532,444,751	43,450,000,000
Hàng tồn kho	141	723,389,925,517	31,902,808,484
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	691,487,117,033

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP DẦU KHÍ VIỆT NAM

M.S.D.N: 0500547376 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Q. HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Duy Điền